

Bản án số: 39/2024/DS-PT
Ngày: 05 – 4 - 2024
V/v “*Vi phạm nghĩa vụ trả
tiền*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Thịnh

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Dũng

bà Võ Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “*Vi phạm nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 118/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trương Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Q.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Q.

- Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Thị Hồng Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày: vào ngày 25/6/2014, bà L có cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ mượn số tiền 150.000.000 đồng, bà Đ hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi thực hiện xong. Vào ngày 14/11/2014, bà Đ tiếp tục mượn của bà số tiền 160.000.000 đồng, bà Đ cũng hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng đến khi thực hiện xong. Tổng số tiền bà Đ nợ của bà là 310.000.000 đồng. Từ khi mượn đến nay bà Đ không trả cho bà số tiền trên theo thoả thuận. Bà L yêu cầu bà Đ trả cho bà số tiền là 310.000.000 đồng.

Thực chất, bà Đ đã mượn tổng số tiền 610.000.000 đồng nhưng vào năm 2015 bà chỉ kiện bà Đ và ông H trả số tiền là 300.000.000 đồng của 02 giấy nợ ngày 20/5/2014 và 01/9/2014 chứ không kiện hết tổng số nợ vì nghĩ lúc đó bà Đ đang vỡ nợ, hoàn cảnh khó khăn và bản thân bà cũng sợ gia đình bà biết việc bà cho bà Đ mượn nhiều tiền làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Vì vậy, bà không kiện số tiền 310.000.000 đồng, số tiền này xuất phát từ cá nhân bà và bà Đ tham gia góp

vốn quay vòng, bà Đ không có tiền nên đã mượn bà, không liên quan đến các ông chồng, bà nghĩ để bà Đ làm rồi từ từ lấy, thỉnh thoảng bà vẫn xuống đòi nhưng thấy hoàn cảnh khó khăn nên lại thôi, nhưng hiện nay hai con của bà Đào đi N, vợ chồng làm nhà nên bà nghĩ bà Đ làm ăn ra nên bà mới kiện đòi lại số tiền.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày: vào năm 2014 bà có mượn của bà L số tiền 300.000.000 đồng, bà L đã khởi kiện bà vào ngày 30/3/2015 do Thẩm phán Nguyễn Trần Nguyên V thụ lý vụ án và đã giải quyết theo yêu cầu của bà L. Hai bên đã viết bản tự khai, bà yêu cầu bà L tính tổng số tiền bà nợ là 300.000.000 đồng, lúc đó bà L có nói là tổng số nợ bà đã tính dứt điểm, hai bên đã chốt nợ hết vào năm 2015. Tại phiên làm việc tại Tòa án năm 2015, bà đã hỏi bà L còn khoản nợ nào không thì bà L đã chốt hết số nợ còn lại bà nợ là 300.000.000 đồng và bà đã cam kết trả mỗi tháng 3.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn. Và từ đó đến nay bà không có mượn số tiền nào của bà L. Theo 02 Giấy mượn tiền mà bà L yêu cầu nêu trên mỗi tháng trả 10.000.000 đồng bà đã trả xong rồi. Tại sao nợ năm 2014 mà đến nay bà L mới kiện, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 352, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Trương Thị L với số tiền 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2023, bị đơn Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của TAND huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị L không rút đơn khởi kiện và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ không rút đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Về thời hạn kháng cáo: bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo trong thời hạn nên
Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều

285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ tham gia góp vốn quay vòng cùng với bà Trương Thị L nên bà Đ có mượn của bà L một khoản tiền, việc mượn tiền giữa bà L và bà Đ theo giấy mượn tiền ngày 25/6/2014 và ngày 14/11/2014 được bà Đ thừa nhận với tổng số tiền 310.000.000 đồng là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Hợp đồng vay tài sản này là sự thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Bà Đ cho rằng vào năm 2015 bà L đã khởi kiện và tính tất cả các khoản nợ giữa bà L và bà Đ, đã được bà L đồng ý giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự vào ngày 20/5/2015 của Toà án nhân dân huyện Quế Sơn. Từ năm 2015 đến nay bà Đ không vay mượn mới của bà L, nên bà Đ không còn nợ bà L. Tuy nhiên, bà L không thừa nhận, bà Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh tất cả các khoản nợ giữa bà Đ, bà L đã được giải quyết trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự vào ngày 20/5/2015 và không có chứng cứ nào chứng minh rằng bà Đ đã trả hết khoản nợ đã ghi trong 02 giấy ngày 25/6/2014 và ngày 14/11/2014.

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2015, bản khai của bà L cũng như biên bản hoà giải lập ngày 07/4/2015 chỉ thể hiện bà L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết đối với 02 khoản nợ của bà Đ và ông H (chồng bà Đ) cùng ký ngày 20/5/2014 và 01/9/2014 mà không đề cập đến khoản nợ khác, phù hợp với lời trình bày và tranh luận của bà L cho rằng năm 2015 bà L chỉ kiện 02 khoản nợ theo giấy nợ bà Đ ông H lập ngày 20/5/2014 và 01/9/2014, bà L không đề cập đến 02 giấy nợ chỉ riêng bà Đ ghi ngày 25/6/2014 và ngày 14/11/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng Đ thừa nhận: có tham gia chơi biêu do bà Trương Thị L cầm cái và do bà không nộp đủ nên còn nợ và có viết 02 giấy nợ bà L số tiền 310.000.000 đồng. Bà Đ còn thừa nhận: thời điểm bà Đ viết giấy nợ bà L, bà Đ còn nợ số tiền đúng như trong giấy. Mặc dù, bà Đ cho rằng: bà đã trả gần hết số tiền còn nợ, nhưng không được bà L thừa nhận và bà Đ cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền bà đã trả cho bà L. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Trương Thị L với số tiền 310.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là không đúng mà là “Vi phạm nghĩa vụ trả tiền”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng Đ không cung cấp chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 352, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L về việc *Vi phạm nghĩa vụ trả tiền* với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị L số tiền còn nợ 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không trả xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 15.500.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trương Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng (*Bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004984 ngày 31/3/2023.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012355 ngày 24/8/2023.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/4/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Quế Sơn;
- CCTHADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

"Đã ký"

Nguyễn Hữu Thịnh

